

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST

Ngày: 28-12-2020

*“V/v tranh chấp Hợp
đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Định

2. Ông Nguyễn Duy Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-DS ngày 18/5/2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-DS, ngày 13/11/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Số 266-268 N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - TGD

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H - Giám đốc Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Quảng Bình

Người được ủy quyền lại: Ông Mai Thành L - Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Quảng Bình (văn bản ủy quyền số 530/2020/GUQ-CNQB ngày 07/12/2020); địa chỉ: Số 05 - Q, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn S, chị Lê Thị L; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 09/9/2019, anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L đã ký kết với Phòng giao dịch B Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Quảng Bình Hợp đồng tín dụng số LD1925200018 để vay số tiền 940.000.000 đồng (chín trăm bốn mươi triệu đồng). Mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất 03 tháng đầu là 10%/năm. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng 04 kể từ ngày ký giấy nhận nợ (13/9/2019) lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi sau của Sacombank + (Cộng) biên độ 4%/năm và được Sacombank quyết định điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất đối với tiền lãi chậm trả theo mức 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; định kỳ trả nợ gốc: Ngày 13/6/2020; định kỳ trả lãi ngày 25 hàng tháng.

Để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của khoản vay anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 449, tờ bản đồ số 60, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM497723, số vào sổ cấp GCN: CS11236, ngày 01/11/2018 mang tên ông Đỗ Văn S và bà Lê Thị L, tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 280/2018/HĐTC/PGD ngày 06/6/2018, Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-280/2018/HĐTC/PGD ngày 14/9/2018; Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02-280/2018/HĐTC/PGD ngày 14/11/2018; Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03-280/2018/HĐTC/PGD ngày 09/9/2019.

Sau khi ký kết và thực hiện Hợp đồng anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L chỉ mới thanh toán được tiền lãi đến ngày 24/12/2019, từ ngày 25/12/2019 cho đến nay đã không thực hiện nghĩa vụ như cam kết, không trả nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ đến hạn, quá hạn nhưng anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm, gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng.

Để thu hồi vốn cho Nhà nước, đại diện cho Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu và phạm vi khởi kiện của mình. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/12/2020) là 1.073.892.533 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 940.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 133.892.533 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Trường hợp anh S, chị L không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên cho Ngân hàng Sacombank thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 449, tờ bản đồ số 60, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM497723, số vào sổ cấp GCN: CS11236, ngày 01/11/2018 mang tên ông Đỗ Văn S và bà Lê Thị L, tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để bảo đảm thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần cho anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L, nhưng anh S, chị L đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú, người thân kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã xử lý công văn đến, công văn đi theo quy định, cử cán bộ văn thư liên lạc giao đầy đủ cho phía đương sự. Tuy nhiên, anh S, chị L, mặc dù có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nhưng hiện đã rời đi khỏi địa phương, hiện không biết đang làm ăn, sinh sống, địa chỉ cụ thể ở đâu. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng bảo đảm đúng quy định và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

** Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 299, 317, 318, 320, 323, 401, 463, 466, 500 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L. Buộc anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ là 1.073.892.533 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 940.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/12/2020) là 133.892.533 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 28/12/2020 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ. Trường hợp anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 449, tờ bản đồ số 60, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất số CM497723, sổ vào sổ cấp GCN: CS11236, ngày 01/11/2018 mang tên ông Đỗ Văn S, bà Lê Thị L, tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng tín dụng ký kết số LD1925200018 ngày 09/9/2019; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 280/2018/HĐTC/PGD ngày 06/6/2018; Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-280/2018/HĐTC/PGD ngày 14/9/2018; Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02-280/2018/HĐTC/PGD ngày 14/11/2018; Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03-280/2018/HĐTC/PGD ngày 09/9/2019 để bảo đảm thu hồi nợ. Trong trường hợp giá trị tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng. Buộc anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là và phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước. Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Giữa Ngân hàng TMCP S với anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay với mục đích sinh hoạt, tiêu dùng, do anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án đòi số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ký kết. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định, anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự: Xét yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ vay, tài sản thế chấp thấy rằng: Ngày 09/9/2019, anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L đã ký kết với Phòng giao dịch B Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Quảng Bình Hợp đồng tín dụng số LD1925200018 để vay số tiền 940.000.000 đồng (chín trăm bốn mươi triệu đồng). Mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất 03 tháng đầu là 10%/năm. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 04 kể từ ngày ký giấy nhận nợ (13/9/2019) lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi sau của Sacombank + (Cộng) biên độ 4%/năm và được Sacombank quyết định điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn,

lãi suất đối với tiền lãi chậm trả theo mức 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; định kỳ trả nợ gốc: Ngày 13/6/2020; định kỳ trả lãi ngày 25 hàng tháng. Trên cơ sở Hợp đồng ký kết, ngày 13/9/2019 Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho anh S, chị L vay như thỏa thuận.

Để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của khoản vay, giữa anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L và Ngân hàng đã ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số 280/2018/HĐTC/PGD ngày 06/6/2018. Anh S, chị L dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 449, tờ bản đồ số 60, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM497723, số vào sổ cấp GCN: CS11236, ngày 01/11/2018 mang tên ông Đỗ Văn S, bà Lê Thị L, tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình thế chấp cho Ngân hàng. Ngoài ra, giữa anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L và Ngân hàng đã ký kết các Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-280/2018/HĐTC/PGD ngày 14/9/2018; Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02-280/2018/HĐTC/PGD ngày 14/11/2018; Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03-280/2018/HĐTC/PGD ngày 09/9/2019. Hợp đồng, văn bản được đăng ký thế chấp, chứng thực hợp pháp.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Văn bản thỏa thuận ký kết được các bên thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên phải thực hiện.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L chỉ mới thanh toán được cho Ngân hàng số tiền lãi đến ngày 24/12/2019, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo khoản vay của Hợp đồng tín dụng ký kết, đã vi phạm cam kết, vi phạm nghĩa vụ của kỳ trả nợ gốc và nợ lãi hàng tháng, vi phạm thời hạn thanh toán, khoản nợ đã chuyển sang quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện tại Tòa án để thu hồi khoản tiền nợ vay theo quy định. Ngân hàng đã xác định tiền nợ, tính lãi với mức lãi suất, thời gian vi phạm theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Bảng tính tiền nợ gốc, lãi do Ngân hàng cung cấp cho Tòa án đã tính đúng số tiền nợ, số ngày, mức lãi suất áp dụng trong hợp đồng tín dụng ký kết. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/12/2020), anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền là 1.073.892.533 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 940.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 133.892.533 đồng.

[3] Đối với anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhằm tạo điều kiện để các bên có mặt hòa giải, thống nhất, thỏa thuận phương án giải quyết vụ án, phương thức thanh toán khoản tiền nợ nhưng không có kết quả. Anh S, chị L đã bỏ đi khỏi địa phương, không cung cấp tin tức, địa chỉ cho Ngân hàng và Tòa án biết, cố tình giấu địa chỉ, vắng mặt, cố tình không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án nhằm gây khó khăn, cản trở cho việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện việc không chấp hành,

không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với khoản nợ vay Ngân hàng và pháp luật. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng và xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S buộc bị đơn anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ, được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 117, 299, 317, 318, 320, 323, 401, 463, 466, 500 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ là 1.073.892.533 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 940.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/12/2020) là 133.892.533 đồng.

Trường hợp anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ. Trong trường hợp giá trị tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì anh S, chị L vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/12/2020), anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

[5] Xét quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng số tiền trên nên buộc anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 299, 317, 318, 320, 323, 401, 463, 466, 500 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L.

Buộc anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ là 1.073.892.533 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 940.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/12/2020) là 133.892.533 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/12/2020), anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Trường hợp anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 449, tờ bản đồ số 60, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM497723, số vào sổ cấp GCN: CS11236, ngày 01/11/2018 mang tên ông Đỗ Văn S, bà Lê Thị L, tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng tín dụng ký kết số LD1925200018 ngày 09/9/2019; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 280/2018/HĐTC/PGD ngày 06/6/2018; Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-280/2018/HĐTC/PGD ngày 14/9/2018; Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02-280/2018/HĐTC/PGD ngày 14/11/2018; Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03-280/2018/HĐTC/PGD ngày 09/9/2019 để bảo đảm thu hồi nợ. Trong trường hợp giá trị tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Buộc anh Đỗ Văn S và chị Lê Thị L phải chịu 44.216.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước.

3.2. Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.456.176 đồng theo biên lai thu số 0007352 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS h. Quảng Trạch;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực